TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày: 21 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liễu;

Ông Trần Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Nghĩa– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2018/TLST-HSngày 30 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh ngày 06/01/1970; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm V, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; chức vụ trước khi phạm tội: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn R và bà Ngô Thị R (đều đã chết); có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1977; có 04 con, con lớn nhấtsinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 21/12/2006, Tòaán nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/9/2007;

- Ngày 24/4/2009, Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng;

- Ngày 29/7/2013, Tòaán nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/5/2015;

Bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/4/2018 đến ngày 04/4/2018 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giã Công an huyện Xuân Trường; có mặt.

2. Trịnh Nam T2, sinh ngày 09/10/1978; nơi sinhvà nơi cư trú: Xóm T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; chức vụ trước khi phạm tội: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Thanh L, sinh năm 1948 và bà Ngô Thị N, sinh năm 1949; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/4/2018 đến ngày 04/4/2018 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phan Văn K, sinh ngày 03/5/1988; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; chức vụ trước khi phạm tội: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn B, sinh năm 1958 và bà Cao Thị T, sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1991; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/4/2018 đến ngày 04/4/2018 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Cao Văn V, sinh ngày 30/12/1986; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; chức vụ trước khi phạm tội: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn C, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1960; có vợ là Phan Thị P, sinh năm 1989; có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/4/2018 đến ngày 04/4/2018 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Phan Trung H, sinh ngày 13/12/1984; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm V, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; chức vụ trước khi phạm tội: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Xuân L, sinh năm 1960 và bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1963; có vợ là Nguyễn Minh N, sinh năm 1990; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 01/4/2018 đến ngày 04/4/2018 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người chứng kiến:* Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm V, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 01/4/2018,Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H gặp nhau tại một đám cưới ở Xóm V, xã X, huyện X. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong cả năm người rủ nhau về nhà Bùi Văn T ở cùng xóm V, xã X đánh bạc ăn tiền. Trên đường đi Trịnh Nam T2 vào cửa hàng tạp hóa mua một bộ bài loại 52 quân. Khi đến nhà T, T lấy chiếu trải trong phòng ngủ, T2 bỏ bộ bài ra để chơi. Cả năm thống nhất chơi hình thức đánh Liêng, cách thức như sau: Một người sẽ dùng bộ bài 52 quân chia cho mỗi người chơi 03 quân bài (sau đó ai thắng ván trước thì được chia ván tiếp sau), mọi người chơi góp tiền

vào giữa (gọi là góp gà) sau đó người chia bàiđược tố đầu tiên (nếu tự tin là bài mình sẽ thắng và tố cao hơn số tiền đã đặt gà), những người còn lại tố tiếp theo thứ tự về phía phải hoặc trái người tố đầu tiên tùy theo quy định, người nào không tố tiếp theo thì úp bài và thua số tiền đã đặt gà. Khi không ai tố nữa thì sẽ so bài, ai nhất được nhận tổng số tiền giữa chiếu và được chia ván sau. Quy định so bài là: To nhất là sáp gồm ba lá bài cùng một quân theo thứ tự từ ba lá A đến ba lá K, Q …. đến ba lá 2 là thấp nhất; không ai có sáp thì tính Liêng gồm ba lá bài liên tiếp như QKA … đến A23 là thấp nhất; không có Liêng thì tính ba lá bàiđều là đầu người; cuối cùng là cộng điểm ai to nhất được thắng. Mỗi ván góp gà 10.000 đồng, tố cao nhất là 50.000 đồng. Cả năm người cùng bỏ tiền ra chơi đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện Xuân Trường tuần tra phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm tổng số tiền là 5.000.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Trong đó thu của Bùi Văn T 490.000 đồng, thu của Trịnh Nam T2 860.000 đồng, thu của Phan Văn K 2.140.000 đồng, thu của Cao Văn V 1.010.000 đồng, thu của Phan Trung H 500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận khi vào nhà Bùi Văn T đánh bạc không phải nộp gì cho T và khai về số tiền của bản thân dùng đánh bạcnhư sau: Bùi Văn T có 510.000 đồng bỏ ra đánh bạc, khi bị bắt đang thua 20.000 đồng; Trịnh Nam T2 có 660.000 đồng bỏ ra đánh bạc, khi bị bắt đang thắng 200.000 đồng; Phan Văn K có 2.420.000 đồng bỏ ra đánh bạc, khi bị bắt đang thua 280.000 đồng; Cao Văn V có 910.000 đồng bỏ ra đánh bạc, khi bị bắt đang thắng 100.000 đồng; Phan Trung H có 500.000 đồng bỏ ra đánh bạc, khi bị bắt không thua, không thắng.

Cáo trạng số 30/CT - VKS ngày 30/5/2018 của VKSND huyện Xuân Trường truy tốcácbị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tốvà đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H phạm tội " Đánh bạc";

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Bùi Văn T từ 09 đến 12 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trịnh Nam T2 từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thửa thách gấp đôi;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Phan Văn K, Cao Văn Vường và Phan Trung H, mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền các bị cáo Bùi Văn T và Trịnh Nam T2, mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 quân; tịch thu sung ngân sách nhà nước 5.000.000 đồng.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận địnhnhư sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáođều không có khiếu nại gì. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của cácbị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01/4/2018, các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H đã có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng bài tú lơ khơ theo hình thức chơi đánh Liêng với tổng số tiền dùng đánh bạc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội " Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của VKSND huyện Xuân Trường truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được về hành vi của mình, biết được đánh bạc là tệ nạn xã hội có tác động tiêu cực đến từng cá nhân, gia đình và xã hội, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác xâm phạm đến trật tự xã hội, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của mỗi gia đình nhưng do ham lợi các bị cáo đã bất chấp hậu quả, tụ tập đánh bạc sát phạt lẫn nhau. Do đó các bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Mặc dù vụ án có nhiều đồng phạm nhưng không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bùi Văn T đã đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nên có vai trò đầu; Trịnh Nam T2 chuẩn bị bài tú lơ khơ làm công cụ đánh bạc nên có vai trò thứ hai; Phan Văn K, Cao Văn V có số tiền dùng đánh bạc lớn hơn các bị cáo khác nên có vai trò thứ ba và Phan Trung H có số tiền dùng đánh bạc thấp nhất nên có vai trò thứ yếu trong vụ án.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:Các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra

và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, T2 độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáoTrịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trịnh Nam T2 có bố đẻ là người có công với nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Bùi Văn T đã hai lần bị Tòa án kết án về tội Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy, một lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, tuy đều đã được xóa án tích nhưng bị cáo bị coi là có nhân thân xấu nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Các bị cáo Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H đều chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có ý thức sửa chữa lỗi lầm nên không cần thiết cách ly khỏi cộng đồng xã hội mà chỉ cầnáp dụng hình phạttù cho hưởng án treo đối với bị cáo Trịnh Nam T2 và áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Phan Văn K, Cao Văn V, Phan Trung H theo quy định tại các Điều 35, 65 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét các bị cáo Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H đều đã được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không phạt bổ sung là phạt tiền nữa. Đối với các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2 cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét hoàn cảnhcác bị cáo kinh tế gia đình khó khăn nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[8]Xử lý vật chứng: Số tiền 5.000.000 đồng cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là phương tiện phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Án phí: Các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung Hphải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H phạm tội " Đánh bạc";

1.1. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Bùi Văn T 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày01 tháng 4 năm 2018);

Phạt tiền Bùi Văn T 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Trịnh Nam T2 07 (Bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21 tháng 6 năm 2018);

Giao bị cáo Trịnh Nam T2 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì có thể bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Phạt tiền Trịnh Nam T2 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Phan Văn K 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Cao Văn V 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

1.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Phan Trung H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung ngân sáchnhà nước;

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao vật chứng, tài sản số 42/CCTHA và biên lai thu tiền số 06069 cùng ngày18/6/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Bùi Văn T, Trịnh Nam T2, Phan Văn K, Cao Văn V và Phan Trung H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Công an huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên